

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-4-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

2. Ông Nguyễn Lương Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bé Thị Phụng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Tố Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1053/2022/ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tiểu M, sinh năm 1997;

Địa chỉ thường trú: Số 60/3/11 đường R, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã T, huyện K, tỉnh V.

*2. Bị đơn:* Ông Lê Viết H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 60/3/11 đường R, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Tiểu M trình bày:**

Bà và ông Lê Viết H quen biết nhau từ cuối năm 2017, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2018.

Từ khi bắt đầu chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, ông H rất nóng tính. Do sự cách biệt tuổi tác, ông H lớn hơn bà 14 tuổi nên giữa bà và ông H không có sự thông cảm, chia sẻ, lắng nghe, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Sau khi kết hôn được hai tháng thì bà mang thai nên bà cố gắng chịu đựng và mong ông H thay đổi tính tình, nhưng trong suốt thời gian bà mang thai, mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng. Sau khi sinh con trai là Lê Minh H, bà và con trai về nhà mẹ ruột ở tỉnh V sinh sống cho đến nay. Bà và ông H đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong suốt thời gian không sống chung mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ khi ly thân đến nay, bà không còn tình cảm với ông H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà và ông Lê Viết H có một con chung là Lê Minh H, giới tính: Nam, sinh ngày 12/01/2019. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh H và tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Tại bản tự khai ngày 26/4/2021 bị đơn là ông Lê Viết H trình bày:***

Năm 2016 ông quen biết bà Lê Thị Tiểu M. Sau thời gian tìm hiểu, ông và bà Lê Thị Tiểu M tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau vui vẻ, hạnh phúc. Việc ông đã từng kết hôn và ly hôn ông đã nói cho bà M và gia đình bà M biết rõ. Ngày 12/01/2019 bà M sinh con trai là Lê Minh H, sau khi sinh con bà M xin ba mẹ ông cho về nhà ba mẹ ruột ở V để ba mẹ ruột chăm sóc hai mẹ con. Lúc đó ông không đồng ý vì muốn ở bên cạnh chăm sóc vợ con, không muốn xa vợ con, nhưng vì thương vợ nên ông đồng ý cho vợ về nhà ba mẹ ruột. Thời gian bà M đưa con về nhà mẹ ruột, ông không đồng ý với cách chăm cháu của mẹ vợ vì mẹ bà M luôn làm theo ý mình, không quan tâm đến ý kiến của ông và bắt mọi người phải làm theo ý của bà. Ông rất yêu thương vợ con, giữa ông và bà M không có gây gổ hay mâu thuẫn gì nên ông không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tiểu M.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia các phiên tòa nhưng bị đơn chỉ nộp bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà M.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Tiểu M được ly hôn với ông Lê Viết H. Giao con chung là Lê Minh H sinh ngày 12/01/2019 cho bà Lê Thị Tiểu M trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Tiểu M và bị đơn ông Lê Viết H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/3/2018. Như vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giữa bà M và ông H có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà M có đơn xin ly hôn với ông H, bị đơn cư trú tại Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Lê Viết H vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Tiểu M:

Theo bà Lê Thị Tiểu M trình bày cuộc sống hôn nhân của bà và ông Lê Viết H không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về nhiều mặt do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, cách biệt về tuổi tác nên giữa bà M và ông H không có sự thông cảm, chia sẻ, lắng nghe, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Sau khi sinh con trai là Lê Minh H, bà và con trai về nhà mẹ ruột ở tỉnh V sinh sống và hai bên ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong suốt thời gian không sống chung mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà M không còn tình cảm với ông H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống riêng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 26/4/2021 ông Lê Viết H trình bày sau khi bà Lê Thị Tiểu M sinh con trai là Lê Minh H, bà M và con trai về nhà mẹ ruột của bà M ở tỉnh V sinh sống cho đến nay. Và từ đó giữa ông H và

gia đình bà M phát sinh mâu thuẫn trong việc chăm sóc, nuôi dạy trẻ Lê Minh H. Xét thấy, tại bản tự khai ông H không đồng ý ly hôn với bà M vì ông rất yêu thương vợ con, giữa ông H và bà M không có gây gổ, mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, trong suốt thời gian ly thân ông H cũng như bà M không có biện pháp nào hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng quay về chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông H là có thật, đã kéo dài từ năm 2019 cho đến nay và thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà M yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Tiểu M và ông Lê Viết H có một con chung là Lê Minh H, giới tính: Nam, sinh ngày 12/01/2019. Bà M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh H và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc giao con chung cho bên nào nuôi dưỡng phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của trẻ. Sau khi vợ chồng không còn sống chung, trẻ Lê Minh H sống chung với bà M từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện tại. Do đó, việc bà M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh H là hoàn toàn phù hợp với lợi ích của trẻ và phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu này của bà M, giao con chung là Lê Minh H sinh ngày 12/01/2019 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà M tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà M trình bày bà và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà M trình bày bà và ông H không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 5, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị Tiểu M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà M, ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 5, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tiểu M.**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tiểu M được ly hôn với ông Lê Viết H.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Lê Minh H, giới tính: Nam, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2019 cho bà Lê Thị Tiểu M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Tiểu M không yêu cầu ông Lê Viết H cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Minh H.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Viết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai được cản trở, nhưng ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Lê Thị Tiểu M.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng: Bà Lê Thị Tiểu M không yêu cầu giải quyết.

**2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:**

Bà Lê Thị Tiểu M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0030624 ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Tiểu M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận N;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận N;
- UBND P. B, Quận N;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyết**